

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ÁN DỤ TRI NHẬN “PHỤ NỮ LÀ CÂY CỎ” LÊ ĐỨC LUẬN* - PHẠM THỊ KIỀU OANH**

TÓM TẮT: Ẩn dụ ý niệm phụ nữ là cây cỏ biểu thị trong ca dao người Việt vừa ẩn dụ cấu trúc vừa ẩn dụ bản thể. Mô hình tỏa tia được chiếu xạ giữa miền nguồn là cây cỏ và miền đích là người phụ nữ. Những loại cây cỏ ẩn dụ về người phụ nữ thường là những cây trái thực phẩm gắn gũi với người Việt. Các cấu trúc ngôn ngữ chiếu xạ phụ nữ là cây cỏ về mối quan hệ theo *cặp chim - cây, bướm - cây, cây - cây* thể hiện mối quan hệ trai gái. Cấu trúc ẩn dụ chiếu xạ ý niệm phụ nữ là cây cỏ qua cấu trúc so sánh có từ so sánh và không có từ so sánh. Ngữ nghĩa cấu trúc ẩn dụ ý niệm biểu trưng về đẹp nữ tính của người phụ nữ; thân phận mỏng manh, yếu đuối, bị xô đẩy giữa cuộc đời cũ, vất vả, sương khổ do người khác định đoạt. Phụ nữ và đàn ông theo các cặp quan hệ âm dương đối ứng vừa tương hợp vừa xung đột. Phụ nữ đáng trân trọng, tôn vinh và sánh vai với nam giới.

TỪ KHÓA: ẩn dụ; ý niệm; phụ nữ; cây cỏ; miền nguồn; miền đích.

NHẬN BÀI: 27/12/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/5/2022

1. Mở đầu

Ý niệm là đơn vị của tư duy, không chỉ mang đặc trưng miêu tả mà còn có cả đặc trưng tình cảm - ý chí và hình ảnh. Ý niệm chứa đựng 3 thành tố: thành tố khái niệm, thành tố cảm xúc hình tượng và thành tố văn hóa [Trần Văn Cơ, 2011]. Theo David Lee, “Ẩn dụ là công cụ ý niệm hóa một miền trải nghiệm này sang một miền khác”. Theo George Lakoff và Mark Johnson thì ẩn dụ ý niệm cũng là ẩn dụ cấu trúc theo mô hình A là B [G. Lakoff & M. Johnson, 2017, tr.123-125].

Ẩn dụ ý niệm là một phương thức quan trọng trong việc cụ thể hóa tư duy của con người ở tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống. Qua quá trình cụ thể hóa, ẩn dụ giúp chúng ta hiểu được các hiện tượng trừu tượng thông qua cơ chế chuyển giao một hoặc một vài đặc điểm của miền Nguồn (là các sự vật, hiện tượng có tính chất cụ thể hơn) sang cho miền Đích (là các sự vật, hiện tượng có tính trừu tượng). Như vậy, bất kì ẩn dụ nào chúng ta cũng có thể xác định được miền nguồn và miền đích”. [David Lee, 2016, tr.22].

Ẩn dụ ý niệm được cấu thành dựa vào các ý niệm. Ý niệm được tổ chức theo mô hình trung tâm và ngoại vi, trong đó hạt nhân là khái niệm, nằm ở trung tâm của trường - chức năng, mang tính phổ quát, toàn nhân loại, còn ngoại vi là những yếu tố mang nét đặc thù văn hóa dân tộc. Vì vậy, ý niệm chịu sự chi phối của tính nghiệm thân và chịu tác động của hiệu ứng diễn dạng cũng như các mô hình văn hóa. Do đó, ý niệm không chỉ mang tính phổ quát mà còn mang tính đặc thù văn hóa dân tộc. Một hệ thống ý niệm là sự tập hợp của nhiều ý niệm riêng lẻ được sắp xếp theo độ bao quát của nó để có những ý niệm cơ sở và ý niệm thứ cấp. Các ý niệm trong cùng một hệ thống ý niệm xuất hiện hiện tượng ranh giới mờ, nhiều khi một số ý niệm nằm trong hệ thống ý niệm này lại đồng thời nằm trong một hệ thống ý niệm khác. [Lê Đức Luận, Ngô Thị Thanh Viện, 2021].

Ẩn dụ bản thể là phương thức tri nhận, ý niệm hóa các sự kiện, hoạt động, cảm xúc, ý tưởng mang tính trừu tượng bằng các vật thể hoặc vật chất mang tính cụ thể. Các trải nghiệm đối với các bộ phận trên cơ thể con người trở thành những căn cứ của ẩn dụ bản thể. Ẩn dụ bản thể rõ nét nhất chính là ẩn dụ mà sự vật được xác định như con người. Nhân hóa một loại chung bao gồm một loạt các ẩn dụ, mỗi ẩn dụ chọn ra những khía cạnh khác nhau của một người hoặc cách nhìn nhận khác nhau về một người. [G. Lakoff & M. Johnson, 2017, tr.28-38]. Trong ca dao người Việt, phụ nữ là cây cỏ là ẩn dụ bản thể và cây cỏ cũng là ẩn dụ vật chứa. Chúng tôi khảo sát tư liệu chủ yếu trong cuốn “Kho tàng ca dao người Việt”, Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên, bốn tập, nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 1995 và tham khảo các nguồn e-ca dao. [<http://www.e-cadao.com/>].

Khái niệm tỏa tia là trọng tâm của ngôn ngữ học tri nhận. Các mạng tỏa tia soi sáng đáng kể cách thức mà các ý niệm cụ thể và các vùng ý niệm có liên quan với nhau trong tư duy người nói. Đối với ẩn dụ bản thể thì tỏa tia là các vật thể, phổ biến ở danh từ nhưng chúng liên quan đến hành động và tính chất của sự vật, hiện tượng nên liên quan đến tỏa tia quá trình và tỏa tia thuộc tính [David Lee,

* PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: leducluan3@gmail.com

** Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh;

Email: phamthikieuoanh12ta09@gmail.com

2016, tr.84-100].

Có nhiều công trình nghiên cứu về ẩn dụ về người phụ nữ trong ca dao, có thể kể đến là Lê Đức Luận (2009), Nguyễn Xuân Kính (2004)... Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào về ẩn dụ ý niệm về người phụ nữ hiện thân là cây cỏ.

2. Nội dung

2.1. Mô hình tỏa tia PHỤ NỮ LÀ CÂY CỎ

- Phụ nữ là cây: *cây ngô đồng, cây măng vòi, cây quế, cây đào, cây thâu đầu, dây bìm bìm, trúc, cây mai, cây hồng, cây mận, cây lúa, bèo, cây trâm, cây liễu, cây kiếng, khoai lang, cây khế, trầu, mía, bí, bầu, lê, lựu, chuối, cây mè, cà, quýt, chanh, bưởi, tre.*

- Phụ nữ là hoa: *Hoa mai, hoa nhài, hoa cải, hoa gạo, hoa sen, hoa hồng, hoa hường* (biến thể tên gọi của hoa hồng), *hoa đào, hoa huệ, hoa lý, hoa lan, hoa khoai, hoa cúc, hoa sứ.*

- Phụ nữ là bộ phận của cây: *ngọn cỏ, lá dài bì, lá từ bì, bẹ cau, măng, miếng cau khô, trái mít, trái măng cầu, trái chín, trái cam, trái hồng, trái khế, trái quýt, trái bưởi, trái bòng, quả xoài, quả đu, trái bần, trái chanh, trái chuối, trái dưa gang, trái hạnh, trái chua me, trái thom, trái thị, trái ớt, củ ấu gai, hạt gạo, nải chuối, chèn lúa đồng, nhụy, nhánh, cành.*

- Các thuộc tính tương liên của cây: Màu sắc: *xanh, trắng, vàng, đỏ thắm, hồng*; Trạng thái tồn tại: *rụng, tà tơi, xao xác, tàn, tươi, tốt tươi, héo, héo sâu, khô héo, mất nhị, rụi, xơ rơ, lìa cành, gãy cành, khô rụi, trôi*; Hương vị: *đắng, cay, ngọt, mặn, chua, cay đắng, ngọt cay, chua cay, thom, thom ngát, thom lừng, ngát lừng, thom nức, thom lâu, hương nồng*; Các giai đoạn sinh trưởng: *nở, đơm bông, búp, trổ cờ, chôi, trổ ngành, chín muồi.*

- Nhân xưng về phụ nữ: a. Phụ nữ là em: *“Em như một đóa hoa đào”*; b. Phụ nữ là thiếp: *“Thiếp như hoa nở mùa xuân”*; c. Phụ nữ là chị: *“Thân chị như cánh hoa sen”*; d. Phụ nữ là vợ: *“Con vợ khôn lấy thẳng chồng đại như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu”*; e. Phụ nữ là con gái: *“Con gái nhà giàu như tàu chuối hột”*.

Nhân xưng “thiếp” thường là người phụ nữ tự xưng với chồng hoặc bạn trai, nhân xưng “em, chị” có thể người phụ nữ tự xưng hoặc người con trai gọi người phụ nữ. Nhân xưng “vợ”, “con gái” thì chủ yếu xã hội, người con trai, đàn ông gọi người phụ nữ.

Mô hình tỏa tia được chiếu xạ đối chiếu giữa miền nguồn và miền đích. Miền nguồn là cây cỏ và miền đích là phụ nữ. Giữa miền nguồn và miền đích là các thuộc tính về trạng thái, tính chất sẽ được tác giả trình bày cụ thể ở các mục tiếp theo. Những loại cây cỏ ẩn dụ về người phụ nữ thường là những cây trái thực phẩm và những cây cỏ gần gũi với người Việt. Phần lớn những cây cỏ biểu trưng cho người phụ nữ đều là những cây bé nhỏ, mảnh mai và một số khá lớn là các bộ phận của cây như hoa, trái, quả, miếng, nhánh,...

2.2. Các cấu trúc ngôn ngữ chiếu xạ nghiệm thân phụ nữ là cây cỏ

2.2.1. Cấu trúc chiếu xạ về mối quan hệ tương liên

a) Cặp chim - cây:

Điều - mai: *“Ai làm điều nọ xa mai, Chàng xa thiếp cách lâm hồi ai cũng buồn”*. Yếu tố xác nghiệm cho cặp quan hệ là câu hỏi tu từ với đại từ phiếm chỉ “ai” nhưng cặp đối ứng ở đây là “điều xa mai”, “chàng xa thiếp cách”. “Điều” tiếng Hán Việt chỉ loài chim nói chung. Chim nhạn - cây ngô đồng: *“Ai làm cho đó bỏ đây, cho con chim nhạn xa cây ngô đồng”*; chim chèo bèo - cây măng vòi: *“Ai làm cho đó xa đây, cho chim chèo bèo xa cây măng vòi!”*. Yếu tố xác nghiệm cho cặp quan hệ là câu hỏi tu từ với đại từ phiếm chỉ “ai”, cặp đối ứng đại từ chỉ trỏ “đó xa đây” với “chim nhạn xa cây ngô đồng” và “chèo bèo xa cây măng vòi”. Phượng hoàng, sáo, cò - cây ngô đồng: *“Phượng hoàng từ già cây ngô, để cho sáo đậu, chim cò nghỉ ngơi”*. Yếu tố xác nghiệm cho cặp quan hệ này trong sự đối sánh giữa phượng hoàng với sáo, cò đối ứng với cây ngô đồng. Chim - cây mè: *“Tiếc công anh vun vén cây mè, mè chưa ra trái, con chim què đậu lên”*. Yếu tố xác nghiệm cho cặp quan hệ này là anh, người vun vén cây mè nhưng lại bị “chim què đậu lên”.

b) Cặp bướm - cây:

Bướm - cây kiếng: *“Em như cây kiếng trên chùa, Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?”*. Cặp đối ứng được xác nghiệm ở đây trong cấu trúc “anh như con bướm” và “em như cây kiếng”.

Bướm - hoa: “*Bướm xa hoa bướm lại dật dờ*”. Bướm - hoa huệ: “*Huệ tàn, con bướm chẳng vãng lại*”. Cặp đối ứng ở đây được xác nghiệm trong mối quan hệ tình cảm giữa hai đối tượng. Còn cặp hoa - bướm: “*Em như hoa nở trên cành, anh như con bướm lượn vành bên hoa*” được xác nghiệm trong cấu trúc “em như hoa” và “anh như con bướm”.

c) *Cặp cây - cây:*

Gừng - quế: “*Anh với em như quế với gừng*”; anh là cau - em là trâu: “*Anh về cuốc đất trồng cau, cho em trồng ké luống trâu một bên*”; “Em là mía - anh là gừng: “*Anh với em như mía với gừng*”; nghệ - gừng: “*Đôi ta như nghệ với gừng*”. Yếu tố xác nghiệm đều so sánh giữa anh với em và đôi ta.

Mận - đào: “*Bây giờ mận mới hỏi đào, vườn hồng đã có ai vào hay chưa*”; lựu-lê: “*Bây lâu cách lựu xa lê, biết làm sao đặng trọn bề ái ân*”; trúc-mai: “*Bao giờ sum hiệp trúc mai, lòng nguyên kết tóc lâu dài trăm năm*”. Yếu tố xác nghiệm là các cặp đối ứng tình cảm: mận-đào, lựu-lê, trúc-mai.

Cặp đồng nhất: anh bẹ - em bẹ: “*Hai đứa mình giống thể cây cau, anh bẹ em bẹ nương nhau sống đời*”; lúa đồng đồng: “*Đôi ta như lúa đồng đồng*”.

d) *Vật phẩm và đối tượng thụ hưởng:*

Cặp đối ứng giữa em như táo - anh như gái rờ: “*Em như táo rụng sân đình, Anh như gái rờ đi tìm của chua*”; em là ngọn cỏ - anh là con nghé: “*Em như ngọn cỏ phát phơ, Anh như con nghé ngơ ngơ giữa đồng*”. Cặp đối ứng giữa anh, người hái hoa - em là hoa hồng: “*Em như cái búp hoa hồng, Anh giờ tay muốn bẻ về bóng nắng niu!*”. Đây là các cặp đối ứng giữa vật phẩm và đối tượng được hưởng thụ (táo và anh, cỏ và con nghé).

e) *Vật được quan tâm chăm sóc:*

Anh - cây cà: “*Tiệc công vun quén cây cà, ở gần không bứng ở xa họ bứng rờ*”; anh - em là cây đèn: “*Tiệc công vun quén cây đèn, ai mà ngắt ngọn phải đèn cho ta*”; anh - em là lá đài bi: “*Anh thương em như lá đài bi*”; anh - em là hoa lí, hoa khoai: “*Thiếu chi hoa lí hoa lài, mà anh đi chuộng hoa khoai cuối mùa*”; anh - em là trái mít: “*Anh thương em như trái mít*”; anh - em là cam, hồng, khế: “*Thiếu chi cam rim, hồng rim, mà anh đi tìm khế rụng bờ ao?*”; anh - em là trái quýt: “*Quýt rụng bờ ao ngọt ngào anh chuộng*”; anh - em là khoai lang: “*Anh thương em như thể dây lang*”; đũa ngu-hoa sừ: “*Tiệc cây hoa sừ nở bằm, tiệc hương nhan bậu lấy làm đũa ngu*”. Ở các câu trúc này, anh là người quan tâm chăm sóc, còn các đối tượng được nói đến các cây, quả là vật được quan tâm chăm sóc.

2.2.2. *Cấu trúc tự thân chiếu xạ phụ nữ là cây cỏ*

1) *Thân em là cây và hoa:*

Cây thâu đầu: “*Thân em như cây thâu đầu*”; cây bìm bìm: “*Thân em như dây bìm bìm*”; lá từ bi: “*Thân em như lá từ bi*”; miếng cau khô: “*Thân em như miếng cau khô*”; quả xoài: “*Thân em như cái quả xoài trên cây*”; quả đa: “*Thân em như thể quả đa*”; trái măng cầu: “*Thân em như trái măng cầu*”; trái bần: “*Thân em như trái bần trôi*”; trái chanh: “*Thân em như thể trái chanh*”; trái chuối: “*Thân em như trái chuối tiêu*”; trái dưa gang: “*Thân em như trái dưa gang*”; trái hạnh: “*Thân em như trái hạnh*”; trái chua me: “*Thân em như trái me chua*”; trái thom: “*Thân em như trái thom chua*”; trái thị: “*Thân em như trái thị nửa vờ*”; trái ớt: “*Thân em như ớt chín cây*”; trái đào: “*Thân em như thể trái đào*”; trái bông: “*Thân em như trái bông trôi*”; trái khế: “*Thân em như trái khế trên chùa*”; trái đào: “*Thân em như trái đào non*”, củ ấu gai: “*Thân em như củ ấu gai*”; chẻn lúa đồng đồng: “*Thân em như chẻn lúa đồng đồng*”; bèo: “*Thân em như thể bèo trôi*”; cánh hoa sen: “*Thân chị như cánh hoa sen*”; hoa gạo: “*Thân chị như hoa gạo trên cây*”; hoa lài: “*Thân em như thể hoa lài*”, hoa cúc: “*Thân em như cúc mọc bờ rào*”.

Các cấu trúc trên bao gồm các nghiệm thân là các bộ phận của cây như trái, quả, củ, lá, nhánh của cây. Nghiệm thân về người phụ nữ thì “trái” (13 lần) được sử dụng nhiều hơn “quả” (2 lần).

2) *Em là cây và hoa:*

- Em là cây: cây trúc: “*Trúc xinh trúc mọc bờ ao, Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh*”; cây chuối: “*Chuối khoe là chuối lòng Trinh, chuối ở một mình sao lại có con*”; cam, quýt, bưởi, bông: “*Thiếp như cam, quýt, bưởi, bông*”.

- Em là hoa: hoa nhài: “*Con vợ khôn lầy thằng chồng dại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*”; hoa hường: “*Em như một cụm hoa hường*”; hoa nở: “*Thiếp như hoa nở mùa xuân*”, “*Thiếp như hoa đã nở rồi*”; mía: “*Thiếp như mía tiến vừa tơ*”; hoa cải: “*Em như bông cải tháng mười*”; hoa đào: “*Em như một đóa hoa đào*”; bông sen: “*Em như bông sen trong hồ*”; hoa gạo: “*Em như bông gạo trên cây*”.

Cấu trúc “thân em” và “em” nói về người phụ nữ có thể là tự xưng hoặc xã hội nói về họ nhưng cấu trúc “thân em” thường nói về vật nghiệm thân là trái, quả, củ; ngược lại cấu trúc “em” thì thường nói về hoa.

2.3. Cấu trúc ẩn dụ chiếu xạ ý niệm phụ nữ là cây cỏ

2.3.1. Cấu trúc so sánh có từ so sánh

- Từ đơn + như: *em như* (12 lần), *thiếp như* (9 lần).
- Từ ghép + như/ như thế: *thân em như* (34 lần), *thân chị như* (3 lần), *đôi ta như* (2 lần).
- Ngữ + như/ giống thế: *anh với em như* (2 lần), *con gái nhà giàu như* (1 lần), *hai đứa mình giống thế* (1 lần).

- Cấu trúc C-V: *Con vợ khôn lầy thằng chồng dại như* (1 lần).

- Cấu trúc vật thể dùng để so sánh

Từ đơn: *cam, quýt, bưởi, bông*; Từ ghép: *bông hường, đóa sen, hoa lài, trái đào, quả đa, trái chanh, trái hạnh, cây cau, dây trâu*; Ngữ danh từ: *cánh hoa hồng/ một cụm hoa hường/ cụm bông hường/ cái búp hoa hồng, bông cải tháng mười, một đóa hoa đào, cánh hoa sen/ bông sen trong hồ; bông gạo trên cây/ hoa gạo trên cây/ hoa gạo trên cành, cây kiểng trên chùa, cây thầu dầu, dây bìm bìm, lá từ bi, trái măng cầu, cái quả xoài trên cây, trái chuối tiêu, trái dưa gang, trái thị nửa vôi, củ ấu gai, ớt chín cây, chèn lúa đồng đồng/ lúa đồng đồng, cánh bèo, trái khế trên chùa, trái mít trên cây/ trái mít trên coi, nghệ với gừng, mía với gừng, quế với gừng, tàu chuối hột*.

Ở loại này có các cấu trúc đồng nghĩa: *cánh hoa hồng/ một cụm hoa hường/ cụm bông hường/ cái búp hoa hồng; cánh hoa sen/ bông sen trong hồ; bông gạo trên cây/ hoa gạo trên cây/ hoa gạo trên cành; chèn lúa đồng đồng/ lúa đồng đồng; trái mít trên cây/ trái mít trên coi*.

- Cấu trúc C-V: *mía tiến vừa tơ, ngọn cỏ phát phơ, táo rụng sân đình, hoa nở mùa xuân/ hoa đã nở rồi/ hoa nở trên cành, cúc mọc bờ rào, trái bông trôi, đóa hoa rơi, trái thơm chua, trái me chua, bèo trôi, trái bần trôi, trái đào non, miếng cau khô, cái sập vàng, bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*.

Cấu trúc C-V thường ít có các cấu trúc đồng nghĩa, chúng tôi chỉ thấy có: “*hoa nở mùa xuân/ hoa đã nở rồi/ hoa nở trên cành*”.

2.3.2. Cấu trúc so sánh không có từ so sánh

a) Cấu trúc đối sánh phụ nữ là cây cỏ

Hoa thơm đối sánh với người khôn: “*Hoa thơm ai chẳng muốn đeo, Người khôn ai chẳng nâng niu bên mình*”. Hoa thơm đối sánh với em xinh: “*Hoa thơm cái cuống cũng thơm, Em xinh khi giận, khi hờn cũng xinh*”. Ở đây là sự đối sánh hai về câu lục và câu bát. Người khôn cũng là em xinh. Như vậy, có thể nói rằng em là “hoa thơm”.

Trúc xinh đối sánh với em xinh: “*Trúc xinh trúc mọc bờ ao, Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh*”, “*Trúc xinh trúc mọc đầu đình, Em xinh em đứng một mình cũng xinh*”. Trúc xinh chỉ có ở một số vị trí nhất định nhưng em thì xinh ở mọi nơi mọi lúc. Như vậy, có thể nói rằng em là “trúc xinh”, trúc có vẻ đẹp mảnh mai, thanh thoát nhưng cứng cỏi.

b) Cấu trúc đối ứng phụ nữ là cây cỏ:

Sen và hồ, thiếp và chàng “*Sen xa hồ hồ trông sen đợi, thiếp xa chàng nhiều nỗi nhớ thương*”; “*Sen xa hồ sen khô hồ cạn, Thiếp xa chàng vóc dáng gầy hao*”. “Sen đợi” tương ứng “thiếp nhớ thương”; “sen khô” tương ứng “thiếp vóc dáng gầy hao”. Còn bài ca này “*Sen xa hồ sen khô hồ cạn, Lựu xa Đào, Lựu ngã Đào nghiêng*” thêm một cặp đối ứng là lựu và đào, tương ứng với cặp sen hồ thì đây lựu là em, đào là anh. Như vậy, có thể nói rằng em là sen và lựu.

2.4. Ngữ nghĩa cấu trúc ẩn dụ ý niệm phụ nữ là cây cỏ

2.4.1. Đặc tính cây cỏ biểu trưng cho phụ nữ

1) Về đẹp nữ tính của người phụ nữ:

Đặc tính của hoa là thơm biểu trưng cho người con gái khôn ngoan, xinh đẹp “giòn”: “*Hoa thơm ai chẳng muốn đeo, Người khôn ai chẳng nâng niu bên mình*”; “*Hoa thơm càng héo càng thơ, Em giòn, áo rách đôi com vẫn giòn*”. Em ngọt thanh tươi mát như cam, quýt, bưởi, bòng: “*Thiếp như cam, quýt, bưởi, bòng, Đứng cay ngoài vỏ, trong lòng ngọt thanh*”. Em như tươi trẻ, đầy sức sống như lúa nếp tơ: “*Thân em như lúa nếp tơ, Xanh cây tốt rễ, phơn phơ phơi màu*”. Em như củ ấu gai, bề ngoài tuy bình dị, chân chất, nhìn bề ngoài không hấp dẫn nhưng thực chất rất “ngọt bùi”: “*Thân em như củ ấu gai, Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen, Ai ơi! ném thử mà xem, Ném ra mới biết rằng em ngọt bùi*”.

Như vậy có thể nói rằng phụ nữ là “thơm” như hoa, ngọt thanh như các loại trái quả, bùi như các loại củ, xanh tươi đầy sức sống như “lúa nếp tơ”. Đó là biểu hiện không những em đẹp “giòn” mà còn khôn ngoan.

2) *Thân phận mỏng manh, yếu đuối, bị xô đẩy giữa cuộc đời cũ:*

Em được ví như những vật dễ bị trôi nổi trên sông nước như cánh bèo: “*Thân em như thể bèo trôi, Sóng dập gió dồi, biết ghé vào đâu?*”; “*Thân em như thể cánh bèo, Ngược xuôi ngược theo chiều nước trôi*”. Em cũng như trái bòng, trái bần và quả xoài bị gió đánh, sóng dồi không biết trôi dạt hướng nào: “*Thân em như trái bòng trôi, Gió dập sóng dồi chẳng biết về đâu*”; “*Thân em như trái bần trôi, Gió dập sóng dồi, biết tấp vào đâu?*”; “*Thân em như quả xoài trên cây, Gió đông, gió nam, gió tây, gió bắc*”; “*Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành, Một mai rụng xuống biết nhắm tay ai*”.

Hai yếu tố có lực xô đẩy tác động đến bèo, trái bần và quả xoài” là nước và gió. Nước và gió là hai yếu tố biểu trưng cho tác động khách quan của gia đình và xã hội đối với thân phận của người phụ nữ xưa. Người phụ nữ xưa không thể tự định đoạt con đường hạnh phúc cho mình mà bị quyết định bởi cha mẹ, gia tộc và những quy định khắt khe của Nho giáo đối với người phụ nữ.

b) *Thân phận gian nan, vất vả, sướng khổ do người khác định đoạt:*

Cây từ bi còn gọi là cây cúc tần. Dân gian không gọi cây cúc tần mà gọi cây từ bi là có mục đích biểu trưng. Tên gọi từ bi là một chỉ dấu của sự bi thương, hiền từ, nhỏ nhắn. Ở đây là lá từ bi lại chỉ dấu sự mỏng manh trong nắng sương: “*Thân em như lá từ bi, Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương*”. “Thân em như lá từ bi” với đặc tính thân phận là “dầm sương dãi nắng”, câu thành ngữ đã được tách thành hai vế để nói sự tương ứng về sự vất vả gian lao mà người phụ nữ phải gánh chịu.

Người con gái vốn mỏng manh, yếu đuối như “dây bìm bìm”: “*Thân em như dây bìm bìm, Rủi khi rào ngõ ai tìm chi em*”. Bìm bìm là một loại dây leo phải dựa vào vật nào đó. Người con gái cũng vậy, họ thường dựa vào gia đình, chồng con, dựa vào bờ vai một chàng trai mạnh mẽ nhưng khi những nơi họ dựa vào bị “ngã” thì họ mất niềm tin, liệu có ai nâng đỡ mình nữa đây.

Người phụ nữ ví mình như “miếng cau khô” là một sự khiêm nhường bởi cau khô không ngon bằng cau tươi: “*Thân em như miếng cau khô, Kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày*”. Người Việt ngày xưa mọi người đều ăn trâu, miếng cau ăn kèm với trâu. Người con gái như miếng trâu vậy, người ta ai cũng muốn ăn nhưng sự đánh giá thì tùy vào quan niệm và sở thích của mỗi người.

Người con gái ngày xưa thuộc về người khác và đau đớn thay, họ không tự quyết được hạnh phúc cho mình như “quả đa”, “trái dưa gang” này cũng vậy: “*Thân em như thể quả đa, Gió lay rụng xuống người ta giày vỏ*”; “*Thân em như trái dưa gang, Một mai nắng héo giữa đàng ai trông*”. “Quả đa” rụng, “trái dưa gang” héo đều biểu thị thân phận thiết thòi của người phụ nữ và liệu họ có còn được quan tâm chăm sóc.

“Tiếc thay” là cấu trúc nhận xét về sự tiếc rẻ, tiếc nuối, biểu lộ sự cảm thương của người đời và sự tự cảm của người phụ nữ. Người con gái thơm tho hấp dẫn như “cây quế” nhưng ở “giữa rừng” thì không ai biết, thật tiếc: “*Tiếc thay cây quế giữa rừng, Thơm tho ai biết ngát lừng ai hay*”. Tiếc vì con gái đẹp ở một nơi hẻo lánh không ai biết như một cô gái bình dân nơi thôn quê dù hấp dẫn đầy nhưng không ai thấy được giá trị.

Người con gái trắng trong tinh khiết, ngon lành như “hạt gạo” nhưng lại không được hưởng hạnh phúc xứng đáng tương ứng: “*Tiếc thay hạt gạo trắng ngần, Đã vo nước đục lại vẫn than rom*”; “*Tiếc thay hạt gạo tám xoan, Thối nổi đồng điều lại chan nước cà*”. Hạt gạo trắng ngần là hạt gạo trắng

trong mà “vo nước đục” và “vân than rơm” thì không còn trắng trong, thơm tho nữa mà bị đục vì nước bẩn và mùi khói rơm. “Gạo tám xoan” là loại gạo thơm, ngon được nấu “nồi đồng điều” nhưng lại chan với “nước cà” thì nó mất cái vị thơm ngon của gạo này. Đồng điều hay có tài liệu gọi là đồng đỏ, đồng vàng, đồng thanh là một loại hợp kim của đồng, thường đúc pha với thiếc. Ngày xưa nhà giàu thường nấu cơm vào nồi đồng điều và người bình dân nấu cơm bằng nồi đất nhưng thực ra nấu cơm bằng nồi đất hạt cơm mới thơm ngon.

Em như hoa bên đường, “như cúc mọc bờ rào” bị người ta tùy thích xài xê: “*Thân em như cúc mọc bờ rào, Kè qua ngắt nhụy, người vào bẻ bông*”. Người con gái đẹp tươi mà lại vào tay người không biết trân trọng thì tiếc thay!

2.4.2. Đặc tính âm dương của các cặp quan hệ

Mối quan hệ cặp âm - dương biểu thị gái - trai có đặc tính âm thấp, dương cao, âm cố định, dương di động. Căn cứ đặc tính này thì “điều”, “phượng hoàng”, “sáo”, “cò”, “chim quyên” là dương, biểu trưng cho người con trai còn “mai”, “cây ngô”, “bụi riềng” là âm, biểu trưng cho người con gái. “Điều” là một từ Hán Việt chỉ cây nói chung: “*Ai làm điều nọ xa mai, Chàng xa thiếp cách lâm hồi ai cũng buồn*”. Cặp tương thích: “điều - mai = chàng-thiếp”. Phượng hoàng đối sánh với sáo và cò trong mối quan hệ với cây ngô đồng: “*Phượng hoàng từ giả cây ngô, Để cho sáo đậu, chim cò nghỉ ngơi*”. Phượng hoàng là một loài chim cao quý so với sáo và cò, khi phượng hoàng từ giả cây ngô là điều kiện cho sáo và cò đến. “Phượng hoàng, sáo, cò” biểu trưng cho các chàng trai còn “cây ngô” biểu trưng cho người con gái. “Cây ngô” là niềm khát khao trú đậu của sáo và cò nhưng không thể được cho đến khi phượng hoàng từ giả cây ngô. Khi mối quan hệ với đối tượng này không thành thì sẽ cơ hội cho các đối tượng khác. Có vẻ như một sự tiếc nuối cho cây ngô, tiếc nuối cho em khi đã phải chia tay với người xứng đáng rồi đành chấp nhận người chưa thật sự vừa lòng! Chim quyên ở đây có vẻ như để nói về một chàng trai nghèo: “*Chim quyên lẳng lịu bụi riềng, Vợ thì thấy đó, chạy tiền chẳng ra!*”. Muốn lấy vợ, thấy đó rồi chỉ cần tiền để đi cưới đi cheo nhưng “chạy tiền chẳng ra” thì đành không lấy được vợ. Cặp tương ứng “chim quyên-bụi riềng = anh-em”.

Cặp quan hệ khác là “bướm” có đặc tính như chim là đậu trên cây và bay, tượng trưng cho dương, biểu trưng cho nam và “hoa”, “cây kiềng”, “huệ” cố định, thấp hơn là âm, biểu trưng cho nữ. Cặp biểu trưng “bướm-hoa = anh-em”: “*Em như hoa nở trên cành, Anh như con bướm lượn vành bên hoa*”. Hoa là nỗi khát khao của bướm, cũng như em là nỗi khát khao của anh nhưng tình cảnh hai ta xa cách: “*Bướm xa hoa bướm lại dật dờ, Anh xa xôi bậu đêm chờ ngày trông*”. Bướm khao khát, tận hưởng nhưng khi hoa tàn thì bướm bỏ đi, thật là bạc tình: “*Huệ tàn, con bướm chẳng vãng lại, Tình xưa anh đã phụ, trúc mai anh kể gì!*”. Tình đã phụ thì tình cảm anh em “trúc và mai” kể làm gì nữa! Cặp biểu trưng “bướm-cây kiềng=anh-em”: “*Em như cây kiềng trên chùa, Anh như con bướm đậu nhờ nên chẳng?*”. “Cây kiềng” là cây quý mà lại ở trên chùa lại càng được chăm sóc, giữ gìn cẩn thận, chu đáo. Vì thế nên con bướm không hi vọng sở hữu mà chỉ xin đậu nhờ, có nên hay không thì không chỉ phụ thuộc vào cây kiềng mà còn phụ thuộc vào chùa, thật khó thay.

Dương tròn, âm vuông, đẹp “Trời tròn đất vuông”; dương là “cau” biểu trưng cho anh và âm là “trầu” biểu trưng cho em: “*Anh về cuộc đất trồng cau, Cho em trông kè luống trầu một bên*”. Khi nói đến cặp trầu cau thì đó là biểu tượng kết hợp tình yêu và hôn nhân giữa nam và nữ.

Đặc tính âm dương chính là cặp trai gái, nam nữ được biểu trưng ở những thuộc tính khác nhau và trong ca dao người Việt thì điều này được thể hiện khá phổ biến.

2.4.3. Đặc tính quan hệ “thóc và bồ câu”

Tục ngữ Việt có câu “Thóc đâu chim bồ câu ở đó”, người phụ nữ thường biểu trưng cho các món ăn, vật hưởng thụ cho người con trai, đàn ông. Phụ nữ biểu trưng cho món ăn thức uống của người con trai, đàn ông. Em là trái chanh còn anh như bao người đàn ông ước mơ, thèm khát chanh: “*Thân em như thể trái chanh, lắt lẻo trên cành nhiều kẻ ước mơ*”. Em là tổ ấm, là nơi trú ngụ của anh: “*Em như cây kiềng trên chùa, anh như con bướm đậu nhờ nên chẳng?*”. Em là ngọn cỏ mà anh là con ghé ăn cỏ: “*Em như ngọn cỏ phát phơ, anh như con ghé ngơ ngơ giữa đồng*”. Em là quả táo mà anh là

người thêm khát kiếm tìm: “Em như táo rụng sân đình, anh như gái dờ đi tìm của chua”. Em như trái chuối tiêu dành tất cả ngọt ngào yêu thương cho người đàn ông của em: “*Thân em như trái chuối tiêu, ngọt bùi dành để thương yêu vì người*”. Em như trái mít thơm tho mà quân tử muốn hưởng hương thơm: “*Thân em như trái mít trên cây, một trăm quân tử đến đây hưởng mùi*”. Em như trái thơm mà bao người ao ước: “*Thân em như trái thơm chua, Kê thời ao ước, người mua không tiền*”. Em như trái thị, hấp dẫn bao kẻ trai tráng anh hùng: “*Thân em như trái thị nửa vôi, anh hùng tú xú tới ngời hơi rồi về*”. Ôi, chỉ cần nhìn thấy, đến nơi ngửi hơi thôi cũng đã thỏa lòng ao ước, em thật hấp dẫn để bao người con trai khát khao.

Phụ nữ biểu trưng cho cái đẹp để người con trai, đàn ông tận hưởng. Em là bông hoa hồng để anh tận hưởng, nâng niu: “*Em như cái búp hoa hồng, Anh giờ tay muốn bẻ về bông nâng niu*”. Em như hoa mùa xuân đẹp tươi rực rỡ mà anh luôn muốn gìn giữ: “*Thiếp như hoa nở mùa xuân, chàng như con bướm suốt tuần vãng lai*”. Thực ra em và anh đều tận hưởng lẫn nhau, em cho anh và anh cho em nhưng quan niệm dân gian thì em là cho anh mà anh thì được tận hưởng.

2.4.4. Phụ nữ là yếu đuối, mỏng manh, nhạy cảm cần người con trai, đàn ông chăm sóc, bảo vệ

Phụ nữ đẹp tươi như hoa nhưng cũng mỏng manh như hoa, có thể nhanh tàn phai như “hoa đã nở”. Muốn cho hoa giữ sắc hoa tươi như thiếp giữ vẻ đẹp xinh thì chàng phải bảo vệ chăm sóc “che” để không cho “mặt trời” chiếu làm hoa nhanh tàn úa: “*Thiếp như hoa đã nở rồi, Xin chàng che lấy mặt trời cho tươi*”.

“Hoa rơi” là hoa đã tàn rơi khỏi cây, hay là hoa đã qua tay người sử dụng nhưng người ta không thích nữa nên ném hoa rơi xuống đất. Em như hoa rơi, có thể tuổi đã lỡ thì, có thể bị người ta ruồng bỏ, nếu anh thực lòng yêu em thì anh vẫn trân trọng: “*Thân em như đóa hoa rơi, Phải chăng chàng thật là người yêu hoa?*”. Tuy vậy, không phải khi nào “hoa rơi” đều có thân phận phũ phàng mà trong dân gian vẫn có cái nhìn nhân văn, người ta rất trân trọng, yêu thương: “*Ra đường gặp cánh hoa rơi, Hai tay nâng lấy, cũ người mới ta*”. Đối với ai đó, em đã cũ rồi và phũ phàng rũ bỏ nhưng với anh thì em vẫn “mới”, vẫn đáng yêu, không những yêu thương mà còn trân trọng nâng lấy bằng cả hai tay!

2.4.5. Phụ nữ đáng trân trọng, tôn vinh và sánh vai với nam giới

Sự trân trọng tôn vinh bắt nguồn từ những gì tốt đẹp mà người phụ nữ vốn có. Em là hoa, hoa thơm, hoa xinh và là loại hoa cao sang đó là hoa hồng “*Thân em như thể hoa hồng*”. Sự tôn vinh này kèm theo sự nâng cao giá trị của người con gái và hạ thấp vị thế người con trai: “*Thân chị như cánh hoa sen, Chúng em như bèo bọt chẳng chen được vào*”. Chị thì cao sang, chúng em thì bèo bọt, em như hoa gạo trên cao lộng lẫy còn anh như đám cỏ may dưới đường: “*Em như bông gạo trên cây, Anh như một đám cỏ may dưới đường*”.

Tuy nhiên, phần lớn, anh với em là hòa hợp, hạnh phúc, xứng đôi: “*Đôi ta lắm tấm hoa nhài, Chồng đây, vợ đây kém ai trên đời*”. Cả em và anh đều cần cho nhau, khát khao “kết tóc” xe tơ với nhau trăm năm hạnh phúc: “*Bao giờ sum hiệp trúc mai, Lòng nguyện kết tóc lâu dài trăm năm*”.

3. Kết luận

Ngôn ngữ học tri nhận nói chung và ẩn dụ tri nhận nói riêng là phương thức nghiên cứu ngôn ngữ từ tiếp cận ngôn ngữ học nhận thức, mối quan hệ giữa ngữ nghĩa và văn hóa trong ngôn ngữ, tìm ra cơ chế ẩn dụ qua tri nhận các cặp phạm trù. Các cặp phạm trù trong mối quan hệ giữa miền nguồn và miền đích. Miền nguồn là ẩn dụ và miền đích là sự tri nhận từ miền nguồn. Miền nguồn là cây cỏ và miền đích là phụ nữ. Cơ chế chiếu xạ là các thuộc tính tương tác giữa hai miền.

Bài viết nghiên cứu “ẩn dụ tri nhận phụ nữ là cây cỏ” biểu thị trong ca dao người Việt nhằm từ cơ chế ẩn dụ để tri nhận đặc tính người phụ nữ. Người phụ nữ được biểu thị trong ca dao người Việt là giới đẹp nhưng mỏng manh, yếu đuối, dễ bị tổn thương bởi các yếu tố xã hội và gia đình. Trong xã hội phong kiến, do quy định của Nho giáo, người phụ nữ chỉ phụ thuộc vào gia đình và người đàn ông nên họ không tự chủ cho hạnh phúc của mình. Những bài ca dao có cấu trúc “thân em” phần lớn là các bài ca than thân. Tuy nhiên cũng có những bài tôn vinh, ngợi ca về phẩm chất của người phụ nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2008), "Cognition: nhận tri và nhận thức, Concept: ý niệm hay khái niệm", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 2, H.
2. David Lee (2016), *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận* (Cognitive linguistics: An introduction), Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập - tập 1: Từ vựng Ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. G. Lakoff & M. Johnson (2017), *Chúng ta sống bằng ẩn dụ* (Metaphors We Live By), The University of Chicago press, Chicago. Nguyễn Thị Kiều Thu dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Lê Đức Luận (2009), *Cấu trúc ca dao trữ tình người Việt*, Nxb. Đại học Huế.
6. Lê Đức Luận, Ngô Thị Thanh Viện (2021), "Ẩn dụ ý niệm tình yêu là căn bệnh", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 9, tr.35-42.
7. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Lai (1979), "Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm trong thế giới thơ ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 10, 1-10.
10. Nguyễn Thiện Giáp (2014), *Nghĩa học Việt ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
11. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (1995), *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
12. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi Pháp ca dao*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
13. Phạm Thị Hương Quỳnh (2014), "Ẩn dụ cấu trúc trong thơ Xuân Quỳnh qua ý niệm con người là thực vật/cây cỏ", Tạp chí *Khoa học Đại học Trà Vinh*, số 16, tr.65-71.
14. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động, Hà Nội.
15. Trần Văn Cơ (2011), *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. <http://www.e-cadao.com/>

Tiếng Anh

17. Kövecses, z. (2002), *Metaphor: A practical introduction*. Second Edition. New York: Oxford University Press.
18. Kövecses, z. (2010), *Metaphor and Culture*, *Acta Universitatis Sapientiae, Philologica*, 2, 2, tr.197-220.

The conceptual metaphor "A WOMAN AS A PLANT"

Abstract: Conceptual metaphors WOMEN ARE PLANTS expressed in Vietnamese folk songs are both structural metaphors and ontological metaphors. The radical construction is mapped between the source domain of plants and the target domain of women. The plants and trees that are metaphorical about women are often food fruits and plants close to the Vietnamese people. Linguistic structures that map women are plants for bird-tree relationships, butterflies-trees, tree-trees that represent male-female relationships. The conceptual metaphorical structure of women is a plant through the comparative structure with comparative words and no comparative words. Structural semantics of conceptual metaphors representing the feminine beauty of women; fragile, weak, under pressure of the traditions, hard work, happiness and suffering decided by others. Women and men follow pairs of reciprocal yin and yang relationships that are both compatible and conflicting. Women are worthy of respect, honor and equal to men.

Key words: metaphor; mind; women; plants; source domain; target domain.